



Member of ILAC/APAC MRA

CHỨNG CHỈ CÔNG NHẬN

Certificate of Accreditation

Phòng thí nghiệm:

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3 (QUATEST 3)
PHÒNG THỬ NGHIỆM HÀN - NDT
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Laboratory:

QUALITY ASSURANCE AND TESTING CENTER 3 (QUATEST 3)
NDT & WELDING LABORATORY
DIRECTORATE FOR STANDARDS, METROLOGY AND QUALITY

Địa điểm PTN/ Lab location:

Lô C5, Đường K1, Khu Công nghiệp Cát Lái, phường Thạnh Mỹ Lợi, TP.Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh
đã được đánh giá và phù hợp các yêu cầu của
has been assessed and found to conform with the requirements of

ISO/IEC 17025:2017

Lĩnh vực công nhận

Field of Accreditation

THỬ NGHIỆM KHÔNG PHÁ HỦY

Non-destructive testing (NDT)

Mã số

Accreditation No

VILAS 004

KT. GIÁM ĐỐC

VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG
(Director of Bureau of Accreditation)



PHÓ GIÁM ĐỐC

ĐANG QUỐC QUÂN

Ngày/ Date of Issue: 13/09/2022 (Annex of decision: 714.2022/QĐ-VPCNCL date 13/09/2022)

Hiệu lực công nhận/ Period of validation: up to 09/08/2025

Hiệu lực lần đầu/ Beginning of accreditation: 28/08/1997

Số: 714.2022/ QĐ-VPCNCL

Hà Nội, ngày 13 tháng 9 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận phòng thí nghiệm

GIÁM ĐỐC
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG

- Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 30 tháng 6 năm 2006;
- Căn cứ Quyết định số 26/2007/QĐ-BKHCN ngày 31 tháng 10 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc qui định tổ chức và hoạt động của Tổ chức công nhận;
- Căn cứ Quyết định số 2058/QĐ-BKHCN ngày 23 tháng 07 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc qui định Điều lệ tổ chức và hoạt động của Văn phòng Công nhận Chất lượng;
- Theo đề nghị của Đoàn chuyên gia đánh giá và Ban thẩm xét.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công nhận Phòng thí nghiệm:

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3 (QUATEST 3)
PHÒNG THỬ NGHIỆM HÀN - NDT

phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 với danh mục các phép thử nghiệm kèm theo Quyết định này.

Điều 2: Phòng thí nghiệm được mang số hiệu: **VILAS 004**.

Điều 3: Phòng thí nghiệm được công nhận ở Điều 1 phải tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về công nhận theo quy định hiện hành.

Điều 4: Quyết định này có hiệu lực đến ngày 09 tháng 8 năm 2025 và Phòng thí nghiệm sẽ chịu sự giám sát định kỳ mỗi năm một lần.

KT. GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Cơ sở được đánh giá;
- HS đánh giá;
- Lưu VT.



PHÓ GIÁM ĐỐC
ĐẶNG QUỐC QUÂN

**DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN****LIST OF ACCREDITED TESTS**

**(Kèm theo quyết định số: 714.2022/ QĐ - VPCNCL ngày 13 tháng 09 năm 2022
của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng)**

Tên phòng thí nghiệm: **Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3 (QUATEST 3)**

Phòng thử nghiệm Hàn - NDT

Laboratory: **Quality Assurance and Testing Center 3 (QUATEST 3)**

NDT and Welding Laboratory

Cơ quan chủ quản: **Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng**

Organization: **Directorate for Standards, Metrology and Quality**

Lĩnh vực thử nghiệm: **Thử nghiệm không phá hủy**

Field of testing: **Non-destructive testing (NDT)**

Người quản lý/
Laboratory manager: **Trương Thanh Sơn**

Người có thẩm quyền ký/ Approved signatory:

TT	Họ và tên/ Name	Phạm vi được ký/ Scope
1.	Nguyễn Tấn Tùng	Các phép thử được công nhận/Accredited Tests
2.	Phạm Văn Út	
3.	Lê Tiến Hà	

Số hiệu/ Code: **VILAS 004**

Hiệu lực công nhận/ Period of Validation: **09/08/2025**

Địa chỉ/ Address: **49 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**

Địa điểm/Location: **Lô C5, Đường K1, Khu Công nghiệp Cát Lái, phường Thạnh Mỹ Lợi,
TP.Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh**

Điện thoại/ Tel: **251 383 6212**

Fax: **251 383 6212**

E-mail: **rq.tn@quatest3.com.vn**

Website: **www.quatest3.com.vn**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 004

Phòng thử nghiệm Hàn – NDT/ *NDT and Welding Laboratory*

Lĩnh vực thử nghiệm: Thử nghiệm không phá hủy

Field of testing: Non-destructive testing (NDT)

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Mối hàn ray thép <i>Weld of rail steel</i>	Kiểm tra khuyết tật. Phương pháp siêu âm (UT) <i>Examination defect. Ultrasonic testing (UT)</i>	Độ cứng bề mặt/ <i>Surface hardness</i> ≤ 390 HBW Bề rộng/ <i>wide</i> ≤ 90 mm	BS EN 14730- 1:2006+A1:2010 BS EN 14587-3:2012 ISO 17640:2017
2.	Mối hàn <i>Weld joints</i>	Kiểm tra ngoại quan <i>Visual examination</i>	—	ASME BPVC.V:2021, Article 9 AWS B1.11:2015 BS EN ISO 17637:2016 AS 3978:2003 TCVN 7507:2016
3.		Phát hiện vết nứt và bất liên tục trên bề mặt. Phương pháp kiểm tra từ tính (MT) <i>Detecting crack and discontinuity on the surface. Magnetic particle method (MT)</i>		ASTM E 709-21 ASME BPVC.V:2021 Article 7 BS EN ISO 17638:2016 AS 1171:1998 TCVN 11759:2016
4.		Phát hiện vết nứt và bất liên tục trên bề mặt. Phương pháp kiểm tra thẩm thấu chất lỏng (PT) <i>Detecting crack and discontinuity on the surface Liquid penetrant testing (PT)</i>		ASTM E 165-18 ASME BPVC.V:2021 Article 6 BS EN ISO 3452-1:2013 AS 2062:1997 TCVN 4617-1:2018

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 004

Phòng thử nghiệm Hàn – NDT/ *NDT and Welding Laboratory*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
5.	Mối hàn <i>Weld joints</i>	Kiểm tra khuyết tật. Phương pháp siêu âm (UT) <i>Examination defect. Ultrasonic testing (UT)</i>	(6 ~ 200) mm	AWS D1.1/D1.1M:2020 Clause 8, Part F AWS D1.5M/D1.5:2015 Clause 6, Part C AWS D1.6:2017 Clause 8, Part F ASME BPVC.V:2021 Article 4 BS EN ISO 17640:2017 AS 2207:2007 TCVN 6735:2018 JIS G 0584:2014 JIS Z 3060:2015
6.		Kiểm tra khuyết tật. Phương pháp chụp ảnh bức xạ (RT) <i>Examination defect. Radiographic testing (RT)</i>	Chiều dày / <i>Thickness</i> ≤ 50 mm	AWS D1.1/D1.1M:2020 Clause 8, Part E AWS D1.5M/D1.5:2015 Clause 6, Part B AWS D1.6:2017 Clause 8, Part E ASME BPVC.V:2021 Article 2 BS EN ISO 17636-1:2013 JIS Z 3104:1995 TCVN 11758-1:2016 AS 2177:2006 ASTM E 94-17
7.	Vật liệu kim loại <i>Metal materials</i>	Kiểm tra khuyết tật. Phương pháp siêu âm (UT) <i>Examination defect. Ultrasonic testing (UT)</i>	Thép tấm <i>Steel plate</i>	ASTM A 435-17
8.		Đo chiều dày vật liệu bằng phương pháp siêu âm <i>Measuring Thickness by Manual Ultrasonic</i>	(2 ~ 200) mm	ASTM E 797-21 ISO 16809:2017
9.	Lớp phủ <i>Coating</i>	Đo chiều dày lớp phủ trên vật liệu có từ. Phương pháp từ <i>Measuring coating thickness. Magnetic method</i>	(25 ~ 1000) μm	ASTM E 376-19 TCVN 5408:2007 TCVN 5878:2007 BS EN ISO 2178:2016

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 004****Phòng thử nghiệm Hàn – NDT/ *NDT and Welding Laboratory***

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
10.	Sơn <i>Paint</i>	Thử độ bám dính. Phương pháp cắt ô <i>Adhesion test. Cross-cut test</i>	—	TCVN 2097:2015
11.	Thiết bị chịu áp <i>Pressure equipment</i>	Thử nghiệm khả năng chịu áp suất thủy tĩnh, thử kín <i>Pressure test, leak test</i>	Đến/ to 400 bar	QTTN/KT3 121:2018
12.	Thiết bị chịu tải <i>Loading equipment</i>	Thử nghiệm khả năng chịu tải <i>Loading test</i>	Đến/ to 200 kN	QTTN/KT3 122:2018

Ghi chú/Note:

- JIS: *Japanese Industrial Standard*
- ASTM: *American Society for Testing and Materials*
- ISO: *International Organization for Standardization*
- AS: *Australia Standard*
- AWS: *American Welding Society*
- ASME: *The American Society of Mechanical Engineers*
- QTTN/...: Quy trình do PTN xây dựng/ *Laboratory's developed method*